

NHẬN DẠNG HÀNH ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP Ở THỪA THIÊN HUẾ

DETECTING EARNINGS MANAGEMENT OF ENTERPRISES IN THUATHIENHUE

Lê Thị Hoài Anh, Đỗ Sông Hương, Nguyễn Hoàng

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

hoaianh@hce.edu.vn; songhuongkttc@gmail.com; nghoang.kt@gmail.com

Tóm tắt - Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở số liệu thu thập từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị được nhận dạng bằng cách vận dụng mô hình của DeAngelo và Friedlan. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các doanh nghiệp được chọn vào mẫu đã điều chỉnh lợi nhuận trên báo cáo tài chính trong năm 2013. Trong đó, mô hình DeAngelo cho kết quả rằng 50% doanh nghiệp đã điều chỉnh tăng, 50% doanh nghiệp điều chỉnh giảm lợi nhuận, còn Friedlan kết luận rằng 53% doanh nghiệp điều chỉnh tăng, 47% điều chỉnh giảm lợi nhuận. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mức độ điều chỉnh lợi nhuận tỉ lệ thuận với quy mô doanh thu và tài sản của doanh nghiệp.

Từ khóa - điều chỉnh lợi nhuận; mô hình DeAngelo; mô hình Friedlan; biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh; biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh.

Abstract - This study was conducted on the basis of data collected from financial statements of enterprises in Thua Thien Hue province. Earnings management was detected by using DeAngelo and Friedlan's models. The result of the study shows that most firms in the sample managed earnings in financial statements in 2013. While DeAngelo's model concludes that 50% of firms managed earnings upwards and 50% of firms managed earnings downwards, Friedlan's model concludes that 53% of firms managed earnings upwards and 47% of firms managed earnings downwards. This study also indicates that the level of earnings management is positively associated with the firm's sales and assets.

Key words - earnings management; DeAngelo's model; Friedlan's model; discretionary accruals; non-discretionary accruals.

1. Đặt vấn đề

Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là lợi nhuận có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của người sử dụng và nhiều bên liên quan như thuế, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, chuyên gia phân tích tài chính. Mặc dù báo cáo tài chính thường được kiểm toán, một số giới hạn của công tác này hạn chế khả năng kiểm toán viên phát hiện được hết sai phạm cũng như kỹ thuật điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị. Theo tác giả Elias [3], điều chỉnh lợi nhuận là việc nhà quản lý sử dụng đánh giá chủ quan trong quá trình lập, công bố báo cáo tài chính và thực hiện các nghiệp vụ kinh tế để thay đổi thông tin nhằm đánh lừa các bên có liên quan, hoặc thay đổi kết quả hợp đồng có điều khoản ràng buộc dựa trên số liệu kế toán. Như vậy, điều chỉnh lợi nhuận phản ánh việc nhà quản lý lựa chọn các phương pháp kế toán một cách khéo léo, linh hoạt để sắp xếp thông tin tài chính theo cách có lợi nhất cho công ty hoặc mang lại lợi ích cá nhân. Hành động này được thực hiện theo ý muốn chủ quan của nhà quản trị mà các đối tượng sử dụng thông tin bằng mắt thường khó có thể nhận ra.

Có nhiều động cơ thúc đẩy doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn nghiên cứu Thừa Thiên Huế, điều chỉnh lợi nhuận như đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của thị trường vốn, tránh vi phạm hợp đồng vay, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tạo hình ảnh tốt về công ty để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, nhà quản lý được hưởng quyền lợi khi hoàn thành chỉ tiêu được giao [3]. Tuy nhiên, điều chỉnh lợi nhuận có thể làm cho báo cáo tài chính không còn phản ánh đúng đắn bản chất tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này khiến các đối tượng sử dụng thông tin có cái nhìn sai lệch về tình hình tài chính của đơn vị, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư không đúng đắn. Đây hiện là vấn đề quan tâm của kiểm toán viên, các nhà soạn thảo chuẩn mực và giới nghiên cứu

kế toán, kiểm toán trên thế giới và ở Việt Nam. Do vậy, việc nhận dạng hành động điều chỉnh lợi nhuận sẽ góp phần hoàn thiện các chuẩn mực, quy định kế toán; từ đó trả lại sự trung thực cho báo cáo tài chính, giúp các đối tượng sử dụng có được nguồn thông tin chính xác hơn trong việc ra quyết định.

2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để nhận dạng hành động điều chỉnh lợi nhuận của các doanh nghiệp đang hoạt động ở tỉnh Thừa Thiên Huế, tác giả sử dụng mô hình của DeAngelo và Friedlan. Phương pháp nghiên cứu này dựa trên cơ sở kế toán được vận dụng để lập báo cáo tài chính.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam quy định Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải được lập trên cơ sở dồn tích (*Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo cáo tài chính*) [6]. Theo đó, mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của công ty liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu và chi phí phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh giao dịch, không quan tâm đến thời điểm thực tế thu, chi tiền hoặc tương đương tiền (*Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung*) [6]. Lợi nhuận được xác định trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Trong khi đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo cơ sở tiền dựa trên thời điểm thực thu, thực chi. Từ đó, chênh lệch giữa lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD) trên hai báo cáo tài chính này tạo ra những biến kế toán mà các nhà nghiên cứu thường gọi là biến kế toán dồn tích (Total accruals - TA).

Biến kế toán dồn tích được tính toán theo công thức:

$$TA = \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} - \text{Dòng tiền từ HĐKD} \quad (1)$$

Hay

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = TA + \text{Dòng tiền từ HĐKD} \quad (2)$$

Dòng tiền từ HĐKD được lập theo cơ sở tiền nên không thể điều chỉnh được. Muốn điều chỉnh lợi nhuận, nhà quản trị phải điều chỉnh biến kế toán dồn tích. Theo tác giả Young [4], biến kế toán dồn tích gồm hai phần, biến kế toán có thể điều chỉnh và biến kế toán không thể điều chỉnh:

$$TA_t = DA_t + NDA_t \quad (3)$$

Từ đó suy ra:

$$DA_t = TA_t - NDA_t \quad (4)$$

Trong đó, DA (Discretionary Accruals) là biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh, NDA (Non-discretionary Accruals) là biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh.

Như vậy, biến kế toán có thể điều chỉnh chính là phần lợi nhuận có được bằng hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị. Vì biến này không thể quan sát trực tiếp nên các nhà nghiên cứu phải đo lường gián tiếp thông qua việc xác định biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh. Từ đó, mô hình nghiên cứu điều chỉnh lợi nhuận của DeAngelo và Friedlan thực chất là mô hình xác định NDA.

2.1.1. Mô hình DeAngelo (1986)

Mô hình DeAngelo giả định các thành phần biến kế toán không thể điều chỉnh năm nay bằng với tổng số biến kế toán dồn tích của năm trước [2]:

$$NDA_t = TA_{t-1} \quad (5)$$

Từ công thức (4) và (5) suy ra:

$$DA_t = TA_t - TA_{t-1} \quad (6)$$

Như vậy, chênh lệch biến kế toán dồn tích giữa năm t và $t-1$ chính là biến kế toán có thể điều chỉnh năm t . Sau khi tính toán được DA_t , hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị được kết luận theo ba trường hợp sau [5]:

- $DA_t = 0$: Doanh nghiệp không điều chỉnh lợi nhuận trong năm t .

- $DA_t > 0$: Doanh nghiệp điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm t .

- $DA_t < 0$: Doanh nghiệp điều chỉnh giảm lợi nhuận trong năm t .

Ngoài ra, giá trị của DA thể hiện mức độ điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị. DA càng lớn cho thấy số lợi nhuận được điều chỉnh trong kỳ càng nhiều và ngược lại.

Như vậy, mô hình DeAngelo cho phép kiểm định doanh nghiệp có điều chỉnh lợi nhuận trong kỳ hay không và nếu có thì hướng điều chỉnh như thế nào, tăng hay giảm và mức độ điều chỉnh là bao nhiêu. Tuy nhiên, nhược điểm của mô hình này là bỏ qua yếu tố tăng trưởng, điều này có thể dẫn đến những kết luận không chính xác về việc thực hiện các điều chỉnh kế toán để lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2.1.2. Mô hình Friedlan (1994)

Mô hình Friedlan giả định rằng sự thay đổi trong tổng số biến kế toán dồn tích giữa hai giai đoạn gồm có hai thành phần là sự thay đổi do tăng trưởng và sự thay đổi do lựa chọn kế toán của nhà quản trị [1]. Khi một công ty phát triển, số

biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh và biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh sẽ tăng theo.

Để khắc phục nhược điểm của mô hình DeAngelo, Friedlan đã cải tiến mô hình bằng cách kiểm soát phần biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh thay đổi do thay đổi mức độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng cách chia biến kế toán dồn tích tính được theo mô hình DeAngelo cho doanh thu [1]. Như vậy, biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh năm t là chênh lệch giữa tổng số biến kế toán dồn tích được chuẩn hoá bởi doanh thu thời kỳ t và tổng số biến kế toán dồn tích được chuẩn hoá bởi doanh thu thời kỳ $t-1$.

Mô hình này được thể hiện theo công thức sau:

$$DA_t = \frac{TA_t}{S_t} - \frac{TA_{t-1}}{S_{t-1}} \quad (7)$$

Trong đó, S là doanh thu năm t và $t-1$.

Sau khi xác định được DA_t , các nhà nghiên cứu có thể đưa ra kết luận về hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị theo ba trường hợp tương tự như mô hình DeAngelo [5].

2.2. Mẫu và dữ liệu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 30 doanh nghiệp được chọn ngẫu nhiên từ tổng thể các doanh nghiệp đang hoạt động ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Để tính toán DA theo công thức (6) và (7), tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp của các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN, dòng tiền thuần từ HĐKD và doanh thu thu thập từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 của các doanh nghiệp được chọn vào mẫu.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Kết quả kiểm nghiệm bằng mô hình DeAngelo (1986)

Quá trình kiểm nghiệm hành động điều chỉnh lợi nhuận được thực hiện minh hoạ đối với Công ty TNHH Thiên An Hải như sau:

$$\begin{aligned} TA_{2013} &= \text{Lợi nhuận sau thuế}_{2013} - \text{Dòng tiền từ HĐKD}_{2013} \\ &= 880.484.009 - 1.373.294.529 \\ &= -492.810.520 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} TA_{2012} &= \text{Lợi nhuận sau thuế}_{2012} - \text{Dòng tiền từ HĐKD}_{2012} \\ &= 1.284.734.482 - (-5.269.804.827) \\ &= 6.554.539.309 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} DA_{2013} &= TA_{2013} - TA_{2012} \\ &= -492.810.520 - 6.554.539.309 \\ &= -7.047.349.829 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Kết quả tính toán DA_{2013} cho thấy trong năm 2013, Công ty TNHH Thiên An Hải đã điều chỉnh giảm 7.047.349.829 đồng so với mức lợi nhuận thực tế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Việc kiểm nghiệm đối với các công ty còn lại trong mẫu nghiên cứu được thực hiện tương tự.

Kết quả kiểm nghiệm hành động điều chỉnh lợi nhuận của doanh nghiệp ở Thừa Thiên Huế trong năm 2013 bằng mô hình DeAngelo được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả kiểm nghiệm bằng mô hình Deangelo (Đơn vị tính: VNĐ)

TT	Doanh nghiệp	TA ₂₀₁₃	TA ₂₀₁₂	DA ₂₀₁₃
1	Công ty TNHH Thiên An Hải	-492.810.520	6.554.539.309	-7.047.349.829
2	Công ty TNHH Bía Huế	-356.214.635.000	-125.994.618.000	-230.220.017.000
3	Công ty TNHH Việt Đức	-2.195.733.802	-2.455.219.237	259.485.435
4	Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TTH	113.902.823.691	139.578.417.771	-25.675.594.080
5	Công ty TNHH MTV nhựa bao bì Việt Phát	9.050.057.974	13.210.451.356	-4.160.393.382
6	Công ty CP Thành Đạt	-17.137.821.982	-92.580.059.979	75.442.237.997
7	Công ty CP đầu tư và xây dựng Viwaseen	-5.290.950.908	776.450.485	-6.067.401.393
8	Công ty CP du lịch Hương Giang	70.804.049.851	6.798.247.493	64.005.802.358
9	Công ty CP chế biến gỗ TTH	-16.114.437.546	-15.662.543.530	-451.894.016
10	Công ty CP dệt may Huế	-41.388.499.120	-27.223.125.450	-14.165.373.670
11	Công ty CP xây dựng thủy lợi TTH	1.396.938.101	4.865.268.379	-3.468.330.278
12	Công ty CP xây dựng giao thông TTH	-4.333.193.435	-15.630.094.648	11.296.901.213
13	Công ty CP xây lắp TTH	-7.239.585.693	-31.233.320.407	23.993.734.714
14	Công ty xăng dầu TTH	-16.696.448.460	-32.015.451.248	15.319.002.788
15	Công ty CP cơ khí XD công trình TTH	-38.592.148.374	-39.990.725.322	1.398.576.948
16	DNTN TM & DV Thiện Thành	4.771.887	14.327.756	-9.555.869
17	Khách sạn Hương Giang Resort & Spa	19.099.904	407.316.270	-388.216.366
18	Công ty TNHH Hợp Đức	-608.543	97.526.665	-98.135.208
19	Công ty TNHH TM & DV Tân Lập	21.931.032	11.977.700	9.953.332
20	Công ty TNHH TMDV Hồng Lợi	350.502.809	301.788.341	48.714.468
21	Công ty TNHH Ngọc Anh	326.655	1.223.391	-896.736
22	Công ty CP phát triển thủy sản TTH	462.315.940	2.132.419.567	-1.670.103.627
23	Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy	1.797.329.799	1.723.769.039	73.560.760
24	Công ty CP Huetronics	1.746.265.231	1.324.831.747	421.433.484
25	XN xây lắp số 1- Công ty CPXLBDMT	14.124.720	1.052.400	13.072.320
26	Công ty CPQL & XD Đường Bộ TTH	913.536.502	737.198.671	176.337.831
27	Công ty CP in và dịch vụ TTH	46.416.446	134.596.203	-88.179.757
28	Công ty CP khai thác đá TTH	1.036.189.443	233.751.651	802.437.792
29	Công ty CP Long Thọ	-66.355.549	1.257.460.988	-1,323.816.537
30	Công ty CP công nghệ & TM miền Trung	18.687.642	10.568.332	8.119.310

(Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp năm 2012 và 2013)

Theo kết quả tính toán biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh (DA₂₀₁₃) bằng mô hình DeAngelo trình bày ở Bảng 1, trong tổng số 30 doanh nghiệp được chọn vào mẫu có 15 doanh nghiệp điều chỉnh tăng lợi nhuận (chiếm 50%) và 15 doanh nghiệp điều chỉnh giảm lợi nhuận (chiếm 50%) trong năm 2013. Giá trị của DA₂₀₁₃ thể hiện mức độ điều chỉnh lợi nhuận của mỗi doanh nghiệp hay phần lợi nhuận đã được điều chỉnh trong kỳ bởi nhà quản trị. Giá trị này cho thấy các doanh nghiệp với quy mô doanh thu và tài sản khác nhau có mức độ điều chỉnh khác nhau. Mức điều chỉnh lợi nhuận dao động từ 896,736 đồng đến 230,220,017,000 đồng, trong đó các doanh nghiệp có quy mô doanh thu và tài sản càng lớn, giá trị lợi nhuận được điều chỉnh càng cao và ngược lại.

3.2. Kết quả kiểm nghiệm bằng mô hình Friedlan (1994)

Sau khi kiểm nghiệm bằng mô hình DeAngelo, số liệu từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp được tiếp tục kiểm

nghiệm bằng mô hình Friedlan để có sự đối chiếu kết quả giữa các mô hình và cho kết luận chính xác hơn, từ đó điều chỉnh lợi nhuận của doanh nghiệp. Quá trình kiểm nghiệm hành động điều chỉnh lợi nhuận được thực hiện minh họa đối với Công ty TNHH Thiên An Hải như sau:

$$\begin{aligned}
 DA_{2013} &= \frac{TA_{2013}}{S_{2013}} - \frac{TA_{2012}}{S_{2012}} \\
 &= \frac{-492.810.520}{46.470.509.089} - \frac{6.554.539.309}{58.938.740.909} \\
 &= -0,1218 = -12,18\%
 \end{aligned}$$

Kết quả tính toán theo mô hình Friedlan cũng cho kết luận tương tự như mô hình DeAngelo. Trong năm 2013, Công ty TNHH Thiên An Hải đã điều chỉnh giảm lợi nhuận 12.18%. Việc kiểm nghiệm bằng mô hình này đối với các công ty còn lại trong danh sách mẫu nghiên cứu được thực hiện tương tự. Kết quả kiểm nghiệm bằng mô hình Friedlan được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả kiểm nghiệm bằng mô hình Friedlan

T T	Doanh nghiệp	TA/S		DA ₂₀₁₃
		2012	2013	
1	Công ty TNHH Thiên An Hải	0,1112	-0,0106	-0,1218
2	Công ty TNHH Bia Huế	-0,0491	-0,1178	-0,0687
3	Công ty TNHH Việt Đức	-0,4217	-0,1912	0,2305
4	Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TTH	0,1931	0,2380	0,0449
5	Công ty TNHH MTV nhựa bao bì Việt Phát	0,0860	0,0569	-0,0291
6	Công ty CP Thành Đạt	-0,7679	-0,3077	0,4602
7	Công ty CP đầu tư và xây dựng Viwaseen	0,0139	-0,1933	-0,2072
8	Công ty CP du lịch Hương Giang	0,1196	1,2940	1,1744
9	Công ty CP chế biến gỗ TTH	-0,4196	-0,4193	0,0003
10	Công ty CP dệt may Huế	-0,0232	-0,0317	-0,0084
11	Công ty CP xây dựng thủy lợi TTH	0,0903	0,0665	-0,0238
12	Công ty CP xây dựng giao thông TTH	-0,0691	-0,0225	0,0466
13	Công ty CP xây lắp TTH	-0,0460	-0,0122	0,0338
14	Công ty xăng dầu TTH	-0,0185	-0,0081	0,0104
15	Công ty CPCK xây dựng công trình TTH	-0,6414	-0,5115	0,1299
16	DNTN TM & DV Thiện Thành	0,0007	0,0002	-0,0005
17	Khách sạn Hương Giang Resort & Spa	0,0099	0,0005	-0,0094
18	Công ty TNHH Hợp Đức	0,0035	0,0000	-0,0036
19	Công ty TNHH TM & DV Tân Lập	0,0002	0,0005	0,0003
20	Công ty TNHH TMDV Hồng Lợi	0,0105	0,0099	-0,0005
21	Công ty TNHH Ngọc Anh	0,0243	0,0064	-0,0180
22	Công ty CP phát triển thủy sản TTH	0,0139	0,0026	-0,0114
23	Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy	0,0743	0,1139	0,0396
24	Công ty CP Huetrronics	0,0043	0,0055	0,0012
25	XN xây lắp 1- Công ty CPXLBDMT	0,0004	0,0046	0,0042
26	Công ty CPQL & XD Đường Bộ TTH	0,0123	0,0136	0,0013
27	Công ty CP in và dịch vụ TTH	0,0065	0,0025	-0,0040
28	Công ty CP khai thác đá TTH	0,0175	0,0273	0,0098
29	Công ty CP Long Thọ	0,0079	-0,0005	-0,0083
30	Công ty CP công nghệ & TM miền Trung	0,0019	0,0029	0,0010

(Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp năm 2012 và 2013)

Theo kết quả trình bày trong Bảng 2, mô hình Friedlan cho kết luận tương tự như kết quả tính toán của mô hình DeAngelo. Trong tổng số 30 doanh nghiệp được chọn vào mẫu có 16 doanh nghiệp điều chỉnh tăng lợi nhuận (chiếm 53%) và 14 doanh nghiệp điều chỉnh giảm lợi nhuận (chiếm 47%). DA₂₀₁₃ được xác định bằng chênh lệch giữa tỉ lệ của tổng biến kế toán dồn tích trên doanh thu trong hai năm 2012, 2013 và cho kết quả theo tỉ lệ phần trăm. Tỉ lệ này dao động từ 0,03% đến 117,44%.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình DeAngelo và Friedlan cho kết luận tương tự về hành động điều chỉnh lợi nhuận của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong năm 2013. Cả hai mô hình đều cho rằng các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu đã điều chỉnh lợi nhuận trong năm này. Tuy nhiên, có ba trường hợp hai

mô hình này cho kết luận khác nhau là Công ty TNHH nhà nước một thành viên khoáng sản Thừa Thiên Huế và Công ty cổ phần chế biến gỗ Thừa Thiên Huế (mô hình DeAngelo kết luận điều chỉnh giảm, mô hình Friedlan kết luận điều chỉnh tăng), Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hồng Lợi (mô hình DeAngelo kết luận điều chỉnh tăng, mô hình Friedlan kết luận điều chỉnh giảm). Sự khác biệt này là do tỷ lệ tăng tổng biến kế toán dồn tích trong năm 2013 khác với tỷ lệ tăng doanh thu mà mô hình Friedlan lại có xem xét đến yếu tố tăng trưởng là doanh thu [2].

3.3. Một vài nhận xét về tính trung thực của chỉ tiêu lợi nhuận trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp trên địa bàn Thừa Thiên Huế

Qua kết quả kiểm định bằng mô hình của DeAngelo và Friedlan đối với 30 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được lựa chọn vào mẫu tương ứng với các loại hình khác nhau, có thể kết luận rằng trong năm 2013, hầu hết các doanh nghiệp tuân theo ý muốn chủ quan của nhà quản trị, đã thực hiện hành động điều chỉnh lợi nhuận bằng cách điều chỉnh tăng hoặc giảm mức lợi nhuận so với thực tế. Mỗi doanh nghiệp, với quy mô tài sản và doanh thu khác nhau có mức độ và nguyên nhân điều chỉnh lợi nhuận khác nhau. Đối với các công ty cổ phần, đặc biệt là các công ty niêm yết, động cơ điều chỉnh tăng lợi nhuận thường là để tạo sự chú ý của nhà đầu tư khi đánh giá về hiệu quả kinh doanh và triển vọng tăng trưởng của công ty, từ đó thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tuy nhiên, đây không phải là nhân tố chính tác động đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các doanh nghiệp ở Thừa Thiên Huế vì chỉ một số ít doanh nghiệp có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (ví dụ, Công ty cổ phần xây dựng giao thông Thừa Thiên Huế). Đa phần doanh nghiệp ở Huế lại điều chỉnh giảm lợi nhuận với lí do chính là tiết kiệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Tuy nhiên, khả năng điều chỉnh tăng lợi nhuận lại cao hơn, khi doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như miễn hoặc giảm thuế.

Ngoài ra, mức độ điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị, thể hiện qua giá trị của biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh (DA), tỉ lệ thuận với quy mô tài sản và doanh thu của doanh nghiệp. Chẳng hạn, công ty TNHH Ngọc Anh có quy mô nhỏ nhất trong các mẫu nghiên cứu với doanh thu 51.415.610 đồng và tài sản 40.123.665 đồng có mức lợi nhuận được điều chỉnh thấp nhất là 896.736 đồng. Công ty Bia Huế có mức doanh thu cao nhất là 3.023.895.128.000 đồng có mức lợi nhuận được điều chỉnh cao nhất là 230.220.017.000 đồng.

Một vấn đề đáng quan tâm là mặc dù phần lớn các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập, nhưng một số trường hợp như Công ty TNHH Bia Huế, Công ty cổ phần xây lắp Thừa Thiên Huế, Công ty cổ phần du lịch Hương Giang vẫn có mức điều chỉnh lợi nhuận khá lớn. Từ kết quả nghiên cứu đó có thể thấy tính trung thực của chỉ tiêu lợi nhuận trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ở Thừa Thiên Huế không cao. Các doanh nghiệp bằng cách này hay cách khác đã điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận tùy vào từng thời điểm để đạt được mục tiêu của mình. Điều này gây khó khăn cho các đối tượng sử dụng cần thông tin chính xác, trung thực để có các quyết định đúng đắn. Tuy nhiên, một câu hỏi được đặt

ra là liệu việc điều chỉnh lợi nhuận như vậy có hợp lý không, vì chế độ kế toán Việt Nam hiện chưa có quy định cụ thể nào cho vấn đề này. Do vậy, điều chỉnh lợi nhuận hiện là vấn đề quan tâm của giới nghiên cứu về kế toán, kiểm toán trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

4. Kết luận và đề xuất

Lợi nhuận trên báo cáo tài chính là chỉ tiêu đo lường hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cơ sở cho các quyết định đầu tư, cho vay. Nếu số liệu kế toán này bị điều chỉnh theo ý muốn chủ quan của nhà quản trị thì các đối tượng sử dụng thông tin có thể đưa ra các quyết định đầu tư không hợp lý, từ đó dẫn đến rủi ro mất vốn. Một số cơ quan khác cũng chịu ảnh hưởng bởi hành vi này như thuế bị mất các khoản thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp hay chi phí thưởng trên lợi nhuận đối với người lao động. Vì vậy, cần thiết phải tăng cường tính trung thực của chỉ tiêu lợi nhuận để bảo vệ lợi ích cho người sử dụng thông tin báo cáo tài chính.

Để góp phần nâng cao tính trung thực của chỉ tiêu lợi nhuận trên báo cáo tài chính, tác giả xin đề xuất một số ý kiến như sau:

4.1. Về phía Bộ Tài chính

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng coi trọng tính thống nhất trong việc xác định các ước tính kế toán để việc lập báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và hợp lý hơn, bởi đây là “khu vực” chứa đựng nhiều cơ hội, khả năng điều chỉnh lợi nhuận. Doanh nghiệp cần được yêu cầu trình bày chi tiết, đầy đủ, rõ ràng hơn thông tin trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Bộ Tài chính cần ban hành quy chế, chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các doanh nghiệp không báo cáo trung thực các thông tin trên báo cáo tài chính để răn đe, ngăn ngừa các sai phạm trọng yếu, đặc biệt là các doanh nghiệp có chênh lệch trước và sau kiểm toán lớn. Đồng thời, Bộ Tài chính cần thường xuyên kiểm tra, giám sát, công bố

đanh sách các công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, đảm bảo chất lượng kiểm toán và quy trách nhiệm, phạt hành chính hoặc rút giấy phép hoạt động đối với các công ty kiểm toán độc lập nếu báo cáo tài chính được kiểm toán bị phát hiện có sai sót trọng yếu.

4.2. Về phía Kiểm toán độc lập

Ngoài việc không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp của kiểm toán viên để đảm bảo tính trung thực, độc lập trong hoạt động kiểm toán, các công ty kiểm toán cần thu hẹp mức trọng yếu đối với các khoản mục và giới hạn số lượng báo cáo kiểm toán với ý kiến ngoại trừ.

4.3. Về phía nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng

Để có được quyết định đầu tư, cho vay, cho thuê đúng đắn trên cơ sở thông tin từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các đối tượng sử dụng thông tin như nhà đầu tư, ngân hàng, chủ nợ cần có kiến thức, hiểu biết về kế toán, có khả năng đọc và phân tích báo cáo tài chính ở mức độ cơ bản và quan tâm đến các dấu hiệu thể hiện sự không minh bạch trong việc cung cấp thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ronen, J. & Yaari, V., *Earnings management: Emerging insights in theory, practice, and research*, Springer, 2008.
- [2] Huỳnh Thị Vân, Nghiên cứu hành vi điều chỉnh lợi nhuận ở các công ty cổ phần trong năm đầu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, *Luận văn thạc sĩ*, Đại học Đà Nẵng, 2012.
- [3] Elias, R. Z., “Determinants of earnings management ethics amongst accountants”, *Journal of Business Ethics*, 40(1), 2002, 33-45.
- [4] Young, S., “The determinants of managerial accounting policy choice: Further evidence for the UK”, *Accounting and Business Research*, 28(2), 1998, 131-143.
- [5] Nguyễn Thị Minh Trang, “Vận dụng mô hình DeAngelo và Friedlan để nhận dạng hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị”, *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học*, số 6, Đại học Đồng Á, 2012, 39-47.
- [6] Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*.

(BBT nhận bài: 09/01/2015, phản biện xong: 20/03/2015)